

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 5 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Thường.

Ông Đặng Xuân Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn K I, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn K I, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2019, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Trần Thị Thường trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Văn Đ chung sống với nhau từ năm 2001 đến năm 2006 vợ chồng có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn chị và anh Đ được tự do tìm hiểu

yêu thương, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2002 sau khi chị sinh cháu lớn anh Đ đã thay đổi, anh thường xuyên uống rượu rồi về nhà gây sự đánh đập chị, khiến chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Do hai bên gia đình động viên, khuyên nhủ, anh Đ đã chủ động đến xin lỗi chị và hứa sẽ thay đổi nên chị đồng ý quay về do vẫn còn tình cảm với anh. Tuy nhiên, sau khi quay về tiếp tục chung sống với anh Đ, anh vẫn không thay đổi mà lại thường xuyên gây sự đánh đập chị và các con, ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý của cả chị và con. Từ tháng 8 năm 2019 do lo sợ bị anh Đ đánh nên chị đã đi làm ăn xa, vợ chồng anh chị ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị xác định không còn tình cảm gì với anh Đ nữa, chị xin được ly hôn với anh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Đ có 02 con chung là Đoàn Văn T, sinh ngày 13/4/2002 và Đoàn Thị H, sinh ngày 17/12/2006, hiện hai con đang ở cùng chị T. Khi ly hôn chị T xin được quyền nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên các nội dung như trong đơn khởi kiện và các lời khai của chị tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đoàn Văn Đ vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do không thể thỏa thuận, giải quyết được nội dung vụ án nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo trình tự tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên đối với các tài liệu Tòa án thu thập bổ sung việc chuyển chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31 tháng 8 năm 2016. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Trần Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung là Đoàn Thị H, sinh ngày 17/12/2006 cho chị Trần Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đoàn Văn Đ không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai

được cản trở anh thực hiện quyền này. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng cháu Đoàn Thị Hằng là muốn được ở cùng với mẹ. Hiện nay cháu Đoàn Văn T đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.
- Về nợ chung: Không có
- Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Trần Thị T, anh Đoàn Văn Đ, tại phiên tòa chị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của chị T, anh Đ không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Đoàn Văn Đ có địa chỉ tại thôn K I, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2001, chị Trần Thị T và anh Đoàn Văn Đ về chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đến năm 2006 anh chị có đi đăng ký kết hôn kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Cuộc sống chung của chị T và anh Đ hạnh phúc được một thời gian, sau đó đến năm 2002 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, chị T đã bỏ về bên nhà bố mẹ đẻ nguyên nhân do anh Đ thường xuyên uống rượu say rồi về nhà gây sự đánh đập chị T. Được hai bên gia đình khuyên nhủ chị T đã quay về tiếp tục chung sống với anh Đ, tuy nhiên anh không thay đổi vẫn luôn gây sự đánh đập chị và các con, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị T xác định không còn tình cảm gì với anh Đ nữa, chị xin được ly hôn với anh. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Đ không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị T được ly hôn với anh Đ là có căn cứ. Vì vậy Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh Đ có 02 con chung là Đoàn Văn Th, sinh ngày 13/4/2002 và Đoàn Thị H, sinh ngày

17/12/2006, hiện hai con đang ở cùng chị T. Cháu Đoàn Văn T có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, tuy nhiên hiện nay cháu T đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu H, hiện đang ở cùng với chị T, khi ly hôn chị T xin được nuôi cháu H, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa xét thấy, chị T đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Đoàn Thị H, sinh ngày 17/12/2006, chị vẫn đảm bảo các điều kiện chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng tốt đối với con, tại biên bản lấy ý kiến của cháu H cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Đoàn Thị H, sinh ngày 17/12/2006, anh Đ không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom các con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T, anh Đ được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T- Xử cho nguyên đơn chị Trần Thị T được ly hôn với bị đơn anh Đoàn Văn Đ.

2. Về con chung:

Cháu Đoàn Văn T, sinh ngày 13/4/2002 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Giao cháu Đoàn Thị H, sinh ngày 17/12/2006 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Đoàn Văn Đ không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị T đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0000169, ngày 17 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã B;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết